



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TỈNH HÀ GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 13/02/2015

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tỉnh Hà Giang (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 13/02/2015.

Ban Giám đốc

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 13/02/2015 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Ông Trần Đình Thịnh

Ban Giám đốc

Ông Vũ Hữu Đức

Giám đốc

Miễn nhiệm ngày 13/08/2014

Ông Trần Đình Thịnh

Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 13/08/2014

Ông Nguyễn Vĩnh Phú

Phó Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 08/01/2014

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tỉnh Hà Giang



Trần Đình Thịnh

Giám đốc

Hà Giang, ngày 24 tháng 04 năm 2015



Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tỉnh Hà Giang

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tỉnh Hà Giang (gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 13/02/2015, được lập ngày 24 tháng 04 năm 2015, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 13/02/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không được tham gia chứng kiến công việc kiểm kê thực tế tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 13/02/2015. Vì vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản mục này được trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 13/02/2015.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 13/02/2015 Công ty đang thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo nguyên giá và giá trị còn lại khi xác định lại Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa khi chưa chính thức chuyển sang công ty cổ phần là chưa phù hợp với quy định hiện hành. Ảnh hưởng của vấn đề này được thuyết minh tại phần IV mục 3 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 13/02/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tỉnh Hà Giang giữ năm (05) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ một (01) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Ngô Bá Duyệt

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2013-034 -1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 13 tháng 02 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	13/02/2015	01/01/2014
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		11.725.395.000	5.754.343.402
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.779.543.000	374.264.042
1 Tiền	111	V.1.	5.779.543.000	374.264.042
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.015.503.305	506.235.080
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.3.1	930.987.605	416.522.989
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.3.2	150.270.000	-
3 Phải thu nội bộ	133	VIII.3.3	-	7.557.287
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	1.934.245.700	82.154.804
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV Hàng tồn kho	140		2.851.642.095	3.129.211.585
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	2.851.642.095	3.129.211.585
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		78.706.600	1.744.632.695
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	31.781.704
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.3.4	78.706.600	1.712.850.991
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		33.438.024.751	41.934.502.487
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		33.096.965.058	41.396.281.027
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.4.	33.053.896.069	41.355.318.774
- Nguyên giá	222		69.672.116.191	73.243.199.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.618.220.122)	(31.887.881.136)
3 Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228	V.5.	30.000.000	30.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.000.000)	(30.000.000)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6.	43.068.989	40.962.253
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		341.059.693	538.221.460
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.	341.059.693	538.221.460
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		45.163.419.751	47.688.845.889

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 13 tháng 02 năm 2015

Đơn vị tính: VND

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	13/02/2015	01/01/2014
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		38.425.180.424	38.581.700.521
I Nợ ngắn hạn	310		14.013.311.891	11.037.831.988
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8.	-	492.500.000
2 Phải trả người bán	312	VIII.3.5	3.940.925.290	5.903.399.992
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.3.6	1.086.982.666	649.452.679
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9.	582.147.618	649.400.483
5 Phải trả người lao động	315		444.590.917	601.075.370
6 Chi phí phải trả	316	V.10.	2.193.463.180	2.378.389.002
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.11.	5.514.417.481	301.228.787
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		250.784.739	62.385.675
II Nợ dài hạn	330		24.411.868.533	27.543.868.533
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.12.	24.411.868.533	27.543.868.533
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		6.738.239.327	9.107.145.368
I Vốn chủ sở hữu	410	V.13.	6.738.239.327	9.107.145.368
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		6.738.239.327	9.065.522.222
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		-	31.868.493
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		-	9.754.653
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		45.163.419.751	47.688.845.889

Hà Giang, ngày 24 tháng 04 năm 2015

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TỈNH HÀ GIANG

Kế toán trưởng



Trần Thanh Hà



Trần Đình Thịnh

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 13/02/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 13/02/2015	Năm 2013
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.14.	26.412.094.639	16.744.648.214
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		26.412.094.639	16.744.648.214
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.15.	18.832.242.353	13.218.413.880
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.579.852.286	3.526.234.334
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.16.	7.017.322	2.414.986
7 Chi phí tài chính	22	VI.17.	1.484.933.551	1.660.328.285
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.484.933.551	1.660.328.285
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.3.7	5.383.159.637	3.362.392.022
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		718.776.420	(1.494.070.987)
11 Thu nhập khác	31	VIII.3.8	9.601.727	1.898.984.000
12 Chi phí khác	32	VIII.3.9	103.867.341	-
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(94.265.614)	1.898.984.000
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		624.510.806	404.913.013
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.18.	128.687.866	91.105.428
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		495.822.940	313.807.585

Hà Giang, ngày 24 tháng 04 năm 2015

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TỈNH HÀ GIANG

Kế toán trưởng



Trần Thanh Hà

Giám đốc



Trần Đình Thịnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 13/02/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 13/02/2015	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		28.115.284.403	16.501.284.468
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(8.874.519.416)	(7.271.876.340)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.264.929.830)	(5.997.128.532)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.445.106.858)	(1.656.639.952)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(91.105.428)	(6.859.956)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.330.633.688	3.023.301.958
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(452.639.050)	(837.472.841)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.317.617.509	3.754.608.805
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(304.457.600)	(499.962.253)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		9.601.727	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.017.322	2.414.986
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(287.838.551)	(497.547.267)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	3.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	227.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.624.500.000)	(3.302.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.624.500.000)	(3.072.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		5.405.278.958	185.061.538
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		374.264.042	189.202.504
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.01	5.779.543.000	374.264.042

Hà Giang, ngày 24 tháng 04 năm 2015

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TỈNH HÀ GIANG

Kế toán trưởng



Trần Thanh Hà



Trần Đình Thịnh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 13/02/2015

(tiếp theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tỉnh Hà Giang (gọi tắt là "Công ty"), được thành lập theo Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 17/06/2009 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Hà Giang. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba số 5100306079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp ngày 17/11/2014.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 ngày 17/11/2014 thì vốn điều lệ của Công ty là: **9.065.522.222** (Chín tỷ không trăm sáu lăm triệu năm trăm hai mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh cấp, thoát nước sạch.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, khai thác, phân phối nước sinh hoạt; Tư vấn, khảo sát thiết kế, giám sát công trình cấp thoát nước, công trình xử lý nước thải;
- Xây dựng các công trình cấp thoát nước, công trình nhà dân dụng, nhà công nghiệp, giao thông;
- Kinh doanh dịch vụ vật tư, thiết bị ngành nước và các hoạt động kinh doanh khác; Kinh doanh hoạt động công ích, thoát nước và xử lý nước thải.

Trụ sở chính

Địa chỉ: 309 A, đường Trần Phú, P. Trần Phú, Tp. Hà Giang
Tel: 0913 271 127 Fax: 0219 3860 961

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Riêng báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 13/02/2015 là Báo cáo tài chính được lập nhằm mục đích chuyển sang Công ty Cổ phần của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp".

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 13/02/2015

(tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Acman.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Công ty không có các khoản tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm 13/02/2015.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm 13/02/2015, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

3. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

- Nhà cửa vật kiến trúc	07 - 20
- Máy móc, thiết bị	03 - 08
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 12
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
- TSCĐ khác	03 - 10

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 13/02/2015
(tiếp theo)

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 13/02/2015, Công ty đang tiến hành trích khấu hao tài sản cố định theo nguyên giá và giá trị còn lại, khi xác định lại Giá trị doanh nghiệp để Cổ phần hóa, khi chưa chính thức chuyển sang công ty Cổ phần là chưa phù hợp với quy định hiện hành. Nếu thực hiện điều chỉnh thì số khấu hao trích trong kỳ ước tính giảm với giá trị 1.351.222.547 đồng và lợi nhuận tăng tương ứng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền công cụ dụng cụ. Công ty phân bổ với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay và thời gian vay thực tế.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán nước sạch, cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống cấp nước, doanh thu từ Bể bơi và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán sản phẩm nước sạch được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu cấp bù giá nước được ghi nhận dựa trên số tiền thực nhận trong kỳ, căn cứ vào các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, đề xuất của Sở tài chính dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

TR
KIẾ
CÁC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 13/02/2015

(tiếp theo)

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính là chi phí lãi vay được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

10.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được ghi nhận trên cơ sở các chứng từ ngân hàng, phiếu thu, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn.

10.3 Các nghĩa vụ về thuế**Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất 5% đối với nước sạch, 10% đối với dịch vụ và hoạt động khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

10.4 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động nước được ghi nhận và tập hợp theo chi phí thực tế phát sinh tương ứng doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hoạt động lắp đặt được ghi nhận và tập hợp theo chi phí thực tế của từng công trình tương ứng với dự toán lắp đặt và doanh thu ghi nhận trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 13/02/2015

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	13/02/2015 VND	01/01/2014 VND
<i>Tiền mặt VND</i>	<i>72.847.976</i>	<i>48.355.691</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>5.706.695.024</i>	<i>325.908.351</i>
Kho bạc Nhà nước huyện Yên Minh	6.487.229	17.117.260
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Giang	198.958.923	29.016.343
Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - CN Hà Giang	80.564.055	89.691.527
Kho bạc nhà nước tỉnh Hà Giang	185.160.133	136.859.091
Phòng giao dịch kho bạc nhà nước	5.134.546	6.540.117
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Giang	12.647.471	15.140.636
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang	1.074.216	1.068.366
Ngân hàng NN và Phát triển Nông thôn - CN Huyện Yên Minh	2.236.103	5.415.703
Ngân hàng NN và Phát triển Nông thôn - CN Huyện Quản Bạ	3.335.655	4.847.197
Kho bạc Nhà nước huyện Quản Bạ	5.703.512	20.212.111
Ngân hàng TMCP ĐPTT Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang (Cổ phần)	5.205.393.181	-
Tổng cộng	5.779.543.000	374.264.042
2. Các khoản phải thu khác	13/02/2015 VND	01/01/2014 VND
Tài khoản 1388		
Phải thu về Cổ phần hóa	294.009.500	-
Phải thu cơ quan Bảo hiểm tại Văn phòng	1.434.509	2.462.265
Tiền thuế TNCN	-	2.220.204
Công ty Điện lực Hà Giang	-	17.253.000
Phải thu cơ quan Bảo hiểm tại Quản Bạ	-	12.127.340
Phải thu cơ quan Bảo hiểm tại Yên Minh	-	48.091.995
Ban quản lý Dự án Công ty	1.638.801.691	-
Tổng cộng	1.934.245.700	82.154.804
3. Hàng tồn kho	13/02/2015 VND	01/01/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.847.586.095	3.124.399.586
Công cụ, dụng cụ	4.056.000	4.811.999
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	2.851.642.095	3.129.211.585

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 13/02/2015

(tiếp theo)

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2014	18.543.917.704	47.764.046.048	331.986.715	6.603.249.443	73.243.199.910
Mua trong năm		538.225.288			538.225.288
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.493.940.436	-	-	-	2.493.940.436
Tăng theo biên bản định giá	-	-	-	(5.309.120.934)	(5.309.120.934)
Giảm khác (*)	-	-	-	(1.294.128.509)	(1.294.128.509)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 13/02/2015	21.037.858.140	48.302.271.336	331.986.715	-	69.672.116.191
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2014	6.916.221.079	23.036.651.341	327.151.395	1.607.857.321	31.887.881.136
Khấu hao trong kỳ	1.378.304.862	4.822.333.077	12.449.502	188.881.726	6.401.969.167
Chuyển sang BDS đầu tư					-
Tăng khác (Theo định giá)	1.134.681.744	-	-	-	1.134.681.744
Giảm khác (*)	-	(948.010.855)	(61.562.023)	(559.076.796)	(1.568.649.674)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(1.237.662.251)	(1.237.662.251)
Số dư ngày 13/02/2015	9.429.207.685	26.910.973.563	278.038.874	-	36.618.220.122
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2014	11.627.696.625	24.727.394.707	4.835.320	4.995.392.122	41.355.318.774
Tại ngày 13/02/2015	11.608.650.455	21.391.297.773	53.947.841	-	33.053.896.069

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND;

- Giảm khác: Theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 13/02/2015
(tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2014	30.000.000	30.000.000
Mua trong năm	-	-
Số dư ngày 13/02/2015	30.000.000	30.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2014	30.000.000	30.000.000
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư ngày 13/02/2015	30.000.000	30.000.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2014	-	-
Tại ngày 13/02/2015	-	-

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

13/02/2015 01/01/2014
VND VND

Công trình Yên Minh, Quản Bạ

43.068.989 40.962.253

Tổng cộng

43.068.989 40.962.253

7. Chi phí trả trước dài hạn

13/02/2015 01/01/2014
VND VND

Công cụ dụng cụ chờ phân bổ

341.059.693 538.221.460

Tổng cộng

341.059.693 538.221.460

8. Vay và nợ ngắn hạn

13/02/2015 01/01/2014
VND VND

Mai Hoàng Côn

- 10.000.000

Nguyễn Mạnh Thắng

- 10.000.000

Ngô Hồng Tuyên

- 10.000.000

Bùi Quang Hưng

- 11.000.000

Nguyễn Vĩnh Phú

- 20.000.000

Nguyễn Thị Nga

- 20.000.000

Nguyễn Trung Dũng

- 20.000.000

Trần Thu Hà

- 25.000.000

Trương Đức Khanh

- 40.000.000

Vũ Hữu Đức

- 100.000.000

Các đối tượng khác

- 226.500.000

Tổng cộng

- 492.500.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 13/02/2015

(tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu**13.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2013	7.182.746.222	(72.551.289)	7.110.194.933
Lãi trong năm trước	-	313.807.585	313.807.585
Tăng khác	1.882.776.000		1.882.776.000
Giảm khác	-	(241.256.296)	(241.256.296)
Số dư tại ngày 01/01/2014	9.065.522.222	-	9.065.522.222
Lãi trong kỳ này	-	495.822.940	495.822.940
Tăng do đánh giá lại TS	2.009.030.428	-	2.009.030.428
Tăng từ công trình Bể Bơi	447.678.484	-	
Trích lập các quỹ 2014	-	(357.367.663)	(357.367.663)
Trả tiền nộp chậm BH, thuế 2014	-	(129.750.766)	
Giảm tài sản theo QĐ Sở tài chính	(4.709.425.057)	-	(4.709.425.057)
Giảm khác	(74.566.750)	(8.704.511)	
Số dư tại ngày 13/02/2015	6.738.239.327	-	14.628.137.882

13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

13/02/2015 01/01/2014

VND VND

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang

6.738.239.327 9.065.522.222

Tổng cộng

6.738.239.327 9.065.522.222

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**14. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**Từ 01/01/2014
đến 13/02/2015 Năm 2013

VND VND

Doanh thu bán nước

21.560.069.476 14.864.711.924

Doanh thu hoạt động xây dựng lắp đặt công trình cấp nước

2.165.800.953 1.573.509.017

Doanh thu Bể bơi

314.890.910 306.427.273

Doanh thu cấp bù giá nước

2.371.333.300 -

Tổng cộng

26.412.094.639 16.744.648.214

15. Giá vốn hàng bánTừ 01/01/2014
đến 13/02/2015 Năm 2013

VND VND

Giá vốn bán nước

17.439.127.680 10.522.540.208

Giá vốn hoạt động xây lắp công trình cấp nước

1.302.066.470 2.334.095.268

Giá vốn Bể bơi

91.048.203 361.778.404

Tổng cộng

18.832.242.353 13.218.413.880

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 13/02/2015

(tiếp theo)

16. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2014 đến 13/02/2015	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.017.322	2.414.986
Tổng cộng	7.017.322	2.414.986
17. Chi phí tài chính	Từ 01/01/2014 đến 13/02/2015	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.484.933.551	1.660.328.285
Tổng cộng	1.484.933.551	1.660.328.285
18. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	Từ 01/01/2014 đến 13/02/2015	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	26.428.713.688	18.646.047.200
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	25.804.202.882	18.241.134.187
Chi phí loại trừ ra khỏi thu nhập chịu thuế	-	-
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	624.510.806	404.913.013
Thuế suất thuế TNDN	20% và 22%	22,5%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	128.687.866	91.105.428
19. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2014 đến 13/02/2015	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		2.536.031.121
Chi phí nhân công		11.364.978.107
Chi phí khấu hao tài sản cố định		6.401.969.168
Chi phí dịch vụ mua ngoài		1.084.281.023
Chi phí khác bằng tiền		2.823.224.766
Tổng cộng		24.210.484.185

VIII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Công ty đã chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5100306079 ngày 13/02/2015 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Giang cấp và đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tỉnh Hà Giang. Theo đó, Báo cáo này sẽ được đóng dấu bởi Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tỉnh Hà Giang.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 13/02/2015

(tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 13/02/2015.

2. Thông tin các bên liên quan*Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ*

Từ 01/01/2014

đến 13/02/2015

VND

Lương

373.800.004

Tổng cộng

373.800.004

3. Những thông tin khác**3.1 Phải thu của khách hàng**

13/02/2015

01/01/2014

VND

VND

Bệnh viện y học cổ chuyên

13.051.300

-

Trường Cao đẳng nghề

13.524.901

11.784.129

Văn phòng tỉnh uỷ

16.454.800

459

Trại tạm giam (ĐH I)

16.528.800

-

Ban chấp hành quân sự tỉnh

17.682.900

-

Trường nội trú tỉnh

18.585.900

-

Trường chính trị tỉnh

21.175.200

2.026

Trần Mai Hoa

21.198.528

-

Sở Công an Tỉnh Hà Giang

52.247.500

-

Nguyễn Thị Tâm

55.314.153

2.999.999

Lương Thị Dung

57.873.647

-

Bệnh viện Tỉnh Hà Giang

58.849.400

-

Bùi Thúy Nga

122.124.101

-

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Giang

18.591.000

-

Vũ Văn Giang

-

15.092.000

Phòng Nông nghiệp Thị xã

-

75.903.365

Bưu điện Hải Phòng

-

38.901.700

Nguyễn Văn Đạt

68.680.404

-

Nguyễn Thị Hương

55.607.831

30.409.661

Các đối tượng khác

303.497.240

241.429.650

Tổng cộng

930.987.605

416.522.989

3.2 Trả trước người bán

13/02/2015

01/01/2014

VND

VND

Công ty Cổ phần Dịch vụ Địa chất

50.000.000

-

Công ty TNHH MTV In Tài chính

270.000

-

Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Vũ Hoàng

100.000.000

-

Tổng cộng

150.270.000

-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 13/02/2015

(tiếp theo)

3.3 Phải thu nội bộ

	13/02/2015	01/01/2014
	VND	VND
Chu Minh Bằng	-	7.557.287
Tổng cộng	-	7.557.287

3.4 Tài sản ngắn hạn khác

	13/02/2015	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	42.206.600	1.601.458.822
Nguyễn Xuân Hải	18.206.600	40.957.500
Nguyễn Mạnh Thắng	5.000.000	84.267.300
Phạm Thị Ngọc Huế	15.000.000	-
Ban quản lý Dự án Công ty	-	1.251.009.222
Hoàng Như Văn	-	50.000.000
Các đối tượng khác	40.500.000	286.616.969
Tổng cộng	78.706.600	1.712.850.991

3.5 Phải trả người bán

	13/02/2015	01/01/2014
	VND	VND
Nguyễn Kiều Nga	-	41.033.000
Công ty Cổ phần HAWACO	-	47.740.000
Công ty Dịch vụ Vật tư Kỹ Thuật D & B	-	70.000.000
Nguyễn Minh Hải	-	150.000.000
Nguyễn Văn Lễ	-	161.624.073
Nhóm dân cư làm đường ống Tổ 3,4 Ngọc hà	-	430.474.500
Công ty Điện Lực Hà Giang	14.308.200	87.137.000
Nguyễn Mạnh Thắng	16.036.273	141.857.603
Cửa hàng Kinh doanh Hóa chất	44.437.000	-
Công ty CP Thương Mại Đầu tư Vân Long CDC	120.320.000	414.800.000
Nguyễn Văn Đạt	130.400.000	-
Nguyễn Minh Hải	218.488.500	264.368.500
Công ty TNHH TM& PT công nghệ Bắc Hà	239.771.180	22.474.100
Công ty TNHH Long Thắng	1.189.019.621	1.689.019.621
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải	1.680.214.308	1.946.743.612
Đối tượng khác	165.444.313	211.463.604
Tổng cộng	3.940.925.290	5.903.399.992

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 13/02/2015

(tiếp theo)

3.6 Người mua trả tiền trước

	13/02/2015 VND	01/01/2014 VND
Sở tài chính tỉnh Hà Giang	891.666.700	-
Đinh Thị Hồi	28.066.585	19.999.983
Nguyễn Thị Tuyết Mai	-	20.000.000
Phạm Thị Hiền	-	21.790.635
Đặng thị Hương	32.327.200	22.500.001
Đoàn Kim Phúc	-	24.000.003
Phạm Thị Huế	-	24.977.550
Phạm Chúc Tiên	40.000.000	25.000.002
Lương Thị Dung	-	29.984.712
Đỗ Phương Thảo	-	30.000.293
Bùi Thuý Nga	-	35.207.236
Sở Công an Tỉnh Hà Giang	-	35.376.210
Lê Thị Nụ	56.755.335	39.999.990
Bệnh viện tỉnh Tỉnh Hà Giang	-	50.022.630
Các đối tượng khác	38.166.846	270.593.434
Tổng cộng	1.086.982.666	649.452.679

3.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2014 đến 13/02/2015 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.376.997.558	1.849.076.404
Chi phí vật liệu quản lý	59.744.969	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	344.749.356	173.825.762
Chi phí khấu hao TSCĐ	208.912.364	119.247.557
Thuế, phí và lệ phí	525.063.310	260.454.711
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.531.990	79.770.000
Chi phí bằng tiền khác	807.160.090	880.017.588
Tổng cộng	5.383.159.637	3.362.392.022

3.8 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2014 đến 13/02/2015 VND	Năm 2013 VND
Bán thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	9.601.727	-
Cấp bù giá	-	1.898.984.000
Tổng Cộng	9.601.727	1.898.984.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 13/02/2015

(tiếp theo)

3.9 Chi phí khác

	Từ 01/01/2014 đến 13/02/2015	Năm 2013
	VND	VND
Thanh lý tài sản, CCDC	103.867.341	-
Tổng Cộng	103.867.341	-

4. Thông tin so sánh

Số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2013 do Công ty lập.

Hà Giang, ngày 24 tháng 04 năm 2015

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TỈNH HÀ GIANG**Kế toán trưởng**

Trần Thanh Hà**Giám đốc**

Trần Đình Thịnh
